

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/ DS-ST

Ngày: 04-11-2019

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Hưng;

2/ Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/ TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXX-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trịnh Văn H**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: 138B, khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Huỳnh Thị H1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: 300B, khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hằng: **Trịnh Văn H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: 138B, khu phố A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* **Nguyễn Ngọc H2**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 428A, ấp C, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2019 của nguyên đơn ông Trịnh Văn H, bà Huỳnh Thị H1, bản tự khai ngày 12/9/2019 và những lời khai tiếp theo ông Trịnh Văn H trình bày như sau:

Vào ngày 15/02/2019 ông và bà Huỳnh Thị H1 có cho ông Nguyễn Ngọc H2 vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ngày 30/02/2019 ông H2 vay tiếp số

tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), khi vay ông H2 có viết giấy nợ và nhận đủ tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, ông H2 hẹn khi nào bán đất được thì trả tiền cho ông và bà H1, ông H2 trả lãi suất tới tháng 6/2019 là được 4 tháng thì ngưng không trả nữa, từ tháng 7/2019 cho đến nay ông H2 không trả vốn lãi cho ông và bà H1. Nay ông và bà H1 yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H2 trả số tiền vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

** Ông Nguyễn Ngọc H2 không đến Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H2 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1 yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H2 trả số tiền vay còn nợ nên có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Ngọc H2 có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại số nhà 428A, ấp C, xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên Hội đồng xét xử xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H2 trả tiền vốn vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1 cung cấp cho Tòa án một giấy mượn tiền ngày 30/02/2019, có ghi rõ họ tên địa chỉ của người mượn tiền là ông Nguyễn Ngọc H2, người cho mượn tiền là bà Huỳnh Thị H1 và ông Trịnh Văn H.

Tại đơn khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà H1 và tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H2 trả số tiền vay là 40.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc H2 đã nhận được giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và biết rõ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H, bà H1 nhưng ông Nguyễn Ngọc H2 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Trịnh Văn H và bà H1,

điều này cho thấy ông Nguyễn Ngọc H2 thừa nhận việc khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà H1 là đúng qua đó xác định ông Nguyễn Ngọc H2 có vay của ông Trịnh Văn H và bà H1 số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) là có thật.

Theo giấy mượn tiền ngày 30/02/2019 thì hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi lãi suất là bao nhiêu %/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tuy nhiên trong quá trình làm việc thì ông Trịnh Văn H trình bày lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng và thỏa thuận bằng lời nói khi nào ông Nguyễn Ngọc H2 bán được đất sẽ trả tiền nợ, do đó xác định hợp đồng vay tiền giữa ông Trịnh Văn H, bà H1 và ông Nguyễn Ngọc H2 là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 649 Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông Nguyễn Ngọc H2 chỉ trả lãi cho ông Trịnh Văn H và bà H1 4 tháng tính từ ngày 30/3/2019 đến ngày 30/6/2019 thì không trả nữa. Qua hợp đồng vay này thấy rằng ông Nguyễn Ngọc H2 đã nhận tiền của ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1 nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lãi khi đến hạn trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó cần buộc ông Nguyễn Ngọc H2 trả cho ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1 số tiền vay còn nợ là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

- Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Văn H thừa nhận ông và bà H1 đã nhận 04 tháng tiền lãi của ông Nguyễn Ngọc H2 là 4.800.000đ, tuy nhiên ông Nguyễn Ngọc H2 cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ghi nhận ông Trịnh Văn H và bà H1 không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H2 trả lãi suất của số tiền vay 40.000.000đ nên không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trịnh Văn H và bà H1 được Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc H2 là người phải trả nợ cho ông Trịnh Văn H và bà H1 nên ông Nguyễn Ngọc H2 phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H, bà Huỳnh Thị H1 đối với ông Nguyễn Ngọc H2.

2/ Buộc ông Nguyễn Ngọc H2 phải trả cho ông Trịnh Văn H, bà Huỳnh Thị H1 số tiền vay còn nợ là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Ghi nhận ông Trịnh Văn H, bà Huỳnh Thị H1 không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H2 trả lãi suất của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Ngọc H2 phải nộp án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Hoàn lại cho ông Trịnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005180 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

4/ Ông Trịnh Văn H, bà Huỳnh Thị H1 được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Ngọc H2 được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu

Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên toà

Trịnh Ngọc Hồng Dương Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Diễm Châu

Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Công Chiến Dương Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Diễm Châu

